

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Trung Phương	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó chủ tịch	
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên	
Ông Phạm Công Sinh	Thành viên	
Phan Minh Sáng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2014)
Ông Dương Minh Tú	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2014)

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Tổng Giám đốc
---------------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2015

Số: /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05/02/2015, từ trang 03 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Nguyễn Đức Tiến**
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0517-2013-156-1**Thay mặt và đại diện cho**
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2015Văn phòng Hồ Chí Minh
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616**Bùi Thị Phương**
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2369-2013-156-1Văn phòng Hải Phòng
499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-31) 353 4655; Fax: (84-31) 353 4316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		702.365.294.839
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	208.465.681.019
1. Tiền	111		34.285.681.019
2. Các khoản tương đương tiền	112		174.180.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	303.257.316.078
1. Đầu tư ngắn hạn	121		303.257.316.078
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.284.745.145
1. Phải thu khách hàng	131	6	114.024.171.633
2. Trả trước cho người bán	132	7	9.650.244.600
3. Các khoản phải thu khác	135	8	9.175.149.574
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(14.564.820.662)
IV. Hàng tồn kho	140	9	62.601.694.541
1. Hàng tồn kho	141		62.601.694.541
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.755.858.056
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.796.040.426
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.849.661.271
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		128.107.709
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		982.048.650
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260+269)	200		290.050.351.907
I. Tài sản cố định	220		168.487.605.483
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	113.556.353.264
- Nguyên giá	222		182.314.294.227
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(68.757.940.963)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	45.440.907.699
- Nguyên giá	228		46.367.734.849
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(926.827.150)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	9.490.344.520
II. Bất động sản đầu tư	240	13	14.794.935.427
- Nguyên giá	241		15.781.667.712
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(986.732.285)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	46.986.185.491
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		28.037.695.491
2. Đầu tư dài hạn khác	258		18.948.490.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		30.363.594.813
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	29.127.745.896
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		924.773.917
3. Tài sản dài hạn khác	268		311.075.000
V. Lợi thế thương mại	269		29.418.030.693
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		992.415.646.746

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		202.807.209.607
I. Nợ ngắn hạn	310		201.952.573.847
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	104.627.847.552
2. Phải trả người bán	312	17	25.509.123.365
3. Người mua trả tiền trước	313		4.010.808.032
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	38.350.876.864
5. Phải trả người lao động	315		10.134.318.543
6. Chi phí phải trả	316		4.469.345.547
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	7.780.980.205
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.069.273.739
II. Nợ dài hạn	330		854.635.760
1. Phải trả dài hạn khác	333		135.132.000
5. Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	335		561.081.226
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		158.422.534
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		660.600.044.697
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	660.600.044.697
1. Vốn điều lệ	411		499.999.940.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.260.716.800
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.520.895.078
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.734.552.567
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		141.083.940.252
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		129.008.392.442
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		992.415.646.746

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014
1. Ngoại tệ các loại	
- USD	195.906,77
- EURO	473,16



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2015

Trần Thị Mai Hương
Kế toán trưởng

Lê Thị Hậu
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		247.736.451.219	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.358.735.773	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	244.377.715.446	
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	23	164.781.914.262	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		79.595.801.184	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	142.989.271.709	
7. Chi phí tài chính	22	26	6.668.098.087	
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		2.913.138.424	
8. Chi phí bán hàng	24		13.713.173.354	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.373.688.625	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		182.830.112.827	
11. Thu nhập khác	31		6.277.277.616	
12. Chi phí khác	32		6.653.455.856	
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40	27	(376.178.240)	
14. Lãi/(Lỗ) của Công ty liên kết	45		(1.347.304.509)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		181.106.630.078	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	35.811.166.117	
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(736.092.660)	
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		146.031.556.621	
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			13.894.955.590	
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			132.136.601.031	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	4.115	

Do Công ty xác định thời điểm mua Công ty con là ngày 30/09/2014, nên số liệu kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con bao gồm số liệu trên báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 30/09/2014 đến ngày 31/12/2014 của 3 Công ty: Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, Công ty Cổ phần Nông được TSC và Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây.



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2015

Trần Thị Mai Hương
Kế toán trưởng

Lê Thị Hậu
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

Năm 2014

CHỈ TIÊU

Mã số

I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Lợi nhuận trước thuế	1	181.106.630.078
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	2	4.068.124.935
Các khoản dự phòng	3	14.564.820.662
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(162.096.129.062)
Chi phí lãi vay	6	2.913.138.424
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	40.556.585.037
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(5.330.365.240)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(62.601.694.541)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	192.191.820.234
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(30.923.786.322)
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.493.116.364)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.415.856.826)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(440.018.809)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(15.377.747.706)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	106.165.819.463

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(28.564.196.265)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	23.917.157.918
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.938.967.646.664)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.701.001.356.801
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(154.731.344.556)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	72.675.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.598.657.430
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(311.071.015.336)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	326.894.966.800
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.161.396.419.510
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.100.120.188.537)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	388.171.197.773
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	183.266.001.900
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	25.199.679.119
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	208.465.681.019

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu trong năm không bao gồm phần vốn góp tăng do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức là 31.499.990.000 đồng.

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ (Tiếp theo)

Do Công ty xác định thời điểm mua Công ty con là ngày 30/09/2014, nên số liệu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các Công ty con bao gồm số liệu trên báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 30/09/2014 đến ngày 31/12/2014 của 3 Công ty: Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, Công ty Cổ phần Nông dược TSC và Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây.



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2015

Ellen

Trần Thị Mai Hương
Kế toán trưởng

A

Lê Thị Hậu
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHẮT QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103016102 ngày 08/03/2007 và Giấy chứng nhận kinh doanh được thay đổi lần thứ 17 số 0102182140 ngày 25/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 17 ngày 25/12/2014 là 499.999.940.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 32 người (tại ngày 31/12/2013 là 47 người).

Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty gồm:

Các Công ty con	Nơi thành lập, hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T	Hà Nội	100%	100%	Xuất nhập khẩu hàng hóa
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Cần Thơ	65,01%	65,01%	Kinh doanh sản phẩm Nông nghiệp
Các Công ty cháu (i)				
Công ty Cổ phần Nông dược TSC	Long An	51,13%	51,13%	Kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật
Công ty Cổ phần Chế biến TPXK Miền Tây	Cần Thơ	62,05%	62,05%	Chế biến nông sản xuất khẩu

Ghi chú: (i) Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu và tỷ lệ quyền biểu quyết của F.I.T trong các Công ty cháu được xác định theo tính chất bắc cầu thông qua giá trị đầu tư của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ đầu tư trực tiếp vào các Công ty cháu.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T gồm: Dịch vụ cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Các dịch vụ: Bãi đỗ xe và các công trình công cộng; Tư vấn đầu tư, tư vấn mua bán doanh nghiệp (tư vấn M&A), tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn phát triển thị trường (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính); Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý kinh doanh, tư vấn phát triển nguồn nhân lực (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); Dịch vụ môi giới bất động sản; Và các ngành nghề kinh doanh khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Mặc dù thời điểm Công ty chính thức sở hữu trên 51% cổ phiếu cũng như quyền biểu quyết và trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (công ty con) là ngày 19/09/2014, tuy nhiên, tại thời điểm 19/09/2014, công ty con không lập Báo cáo tài chính và do không có các giao dịch biến động trọng yếu cho giai đoạn từ ngày 19/09/2014 đến ngày 30/09/2014 nên Công ty xác định thời điểm mua là ngày 30/09/2014 khi lập báo cáo hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Các Công ty liên kết bao gồm: Công ty Cổ phần Thương mại sản xuất và Dịch vụ Sao Nam; Công ty Cổ phần Today Cosmetics.
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con, liên doanh liên kết và Công ty được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, các khoản đầu tư hưởng lãi cố định.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2014 (Số năm sử dụng)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, giá trị bản quyền, phần mềm kế toán và các tài sản cố định vô hình khác.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được phân ánh theo giá gốc. Tại ngày 31/12/2014, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có cơ sở và thông tin để xác định giá hợp lý.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 - 46 năm.

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các khoản vốn góp vào công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo giá gốc và được phân ánh là một khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phân ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ chờ phân bổ. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm bao gồm toàn bộ lãi tiền vay tính trên các khoản Công ty nhận tiền hợp tác đầu tư của các tổ chức, cá nhân.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014
	VND
Tiền mặt tại quỹ	125.002.787
Tiền gửi ngân hàng	34.160.678.232
Các khoản tương đương tiền (i)	174.180.000.000
	<u>208.465.681.019</u>

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư ngắn hạn		303.257.316.078
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn, trong đó:		37.739.290.000
- Đầu tư chứng khoán đã được niêm yết (i)	74.533	10.000
- Đầu tư chứng khoán chưa niêm yết (ii)	3.117.856	37.739.280.000
Đầu tư ngắn hạn khác		265.518.026.078
- Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng	-	43.420.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác (iii)	-	222.098.026.078
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-
		<u>303.257.316.078</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Trong số lượng cổ phiếu niêm yết trên sàn tại ngày 31/12/2014, số lượng cổ phiếu thường là 74.532 cổ phiếu.
- (ii) Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: Do không thu thập được giá giao dịch trên thị trường tại ngày 31/12/2014 nên Công ty không có cơ sở xem xét trích lập dự phòng giảm giá (nếu có). Do đó, Công ty đang trình bày theo giá gốc các khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết này trên báo cáo tài chính.
- (iii) Đầu tư ngắn hạn khác là khoản đầu tư dưới hình thức Công ty thực hiện góp vốn trong hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân và tổ chức, thời hạn hợp tác đầu tư quy định trong hợp đồng là dưới 12 tháng và Công ty sẽ được hưởng một khoản lợi nhuận nhất định tính trên tỷ lệ % (phần trăm) của số vốn Công ty góp mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Bên nhận góp vốn.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014 VND
Số dư khoản phải thu khách hàng tại các Công ty:	
Công ty CP Đầu tư F.I.T	34.299.375.824
Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	10.681.815.579
Công ty CP Nông dược TSC	52.248.123.970
Công ty TNHH XNK và Thương mại F.I.T Việt Nam	7.513.248.836
Công ty CP Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	9.281.607.424
	<u>114.024.171.633</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2014 VND
Số dư khoản trả trước tại các Công ty:	
Công ty CP Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	87.500.000
Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	3.272.349.740
Công ty CP Đầu tư F.I.T	4.210.988.343
Công ty CP Nông dược TSC	824.637.143
Công ty TNHH XNK và Thương mại F.I.T Việt Nam	1.254.769.374
	<u>9.650.244.600</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014 VND
Lãi dự thu	5.818.620.420
Phải thu khác	3.356.529.154
	<u>9.175.149.574</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014
	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi trên đường	7.051.436.246
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	25.486.798.375
Công cụ, dụng cụ trong kho	563.165.432
Thành phẩm	25.561.221.268
Hàng hoá	2.955.442.841
Hàng gửi bán	983.630.379
Cộng	<u>62.601.694.541</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u><u>62.601.694.541</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	6.138.782.420	-	2.117.210.000	31.809.091	-	8.287.801.511
Tăng trong năm	111.641.251.329	49.686.345.767	17.748.283.004	991.985.390	97.409.646	180.165.275.136
- Tăng do hợp nhất Công ty con	102.716.990.425	48.831.945.767	9.200.807.549	353.980.977	97.409.646	161.201.134.364
- Mua sắm mới	8.924.260.904	854.400.000	8.547.475.455	638.004.413	-	18.964.140.772
Giảm trong năm	(6.138.782.420)	-	-	-	-	(6.138.782.420)
- Thanh lý nhượng bán	(6.138.782.420)	-	-	-	-	(6.138.782.420)
Tại ngày 31/12/2014	111.641.251.329	49.686.345.767	19.865.493.004	1.023.794.481	97.409.646	182.314.294.227
GIÁ TRỊ HAO MÓN LUY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	264.243.682	-	876.289.711	4.303.919	-	1.144.837.312
- Khấu hao trong năm	1.209.413.322	1.202.275.906	715.736.572	20.616.364	-	3.148.042.164
- Tăng do hợp nhất Công ty con	33.575.206.004	25.138.141.527	5.648.152.829	279.548.833	97.409.646	64.738.458.839
- Thanh lý nhượng bán	(273.397.352)	-	-	-	-	(273.397.352)
Tại ngày 31/12/2014	34.775.465.656	26.340.417.433	7.240.179.112	304.469.116	97.409.646	68.757.940.963
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	76.865.785.673	23.345.928.334	12.625.313.892	719.325.365	-	113.556.353.264

Trong năm, Công ty thực hiện chuyển nhượng toàn bộ 800m² diện tích mặt sân vận phòng tại toà nhà MIPEC cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội MIC theo hợp đồng số 01-01/2014-BĐS/FIT-HDKT ngày 17/01/2014. Trong đó, diện tích Công ty đang sử dụng là 200m² (theo dõi trên khoản mục tài sản cố định hữu hình), diện tích Công ty đang cho thuê là 600m² (theo dõi trên khoản mục bất động sản đầu tư).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị: VND				
	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất Công ty con	20.376.803.433	308.405.680	-	113.267.886	20.798.476.999
Mua sắm mới	5.250.557.850	20.200.000.000	118.700.000	-	25.569.257.850
Tại ngày 31/12/2014	25.627.361.283	20.508.405.680	118.700.000	113.267.886	46.367.734.849
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	-	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	505.000.000	153.584	-	505.153.584
Tăng do hợp nhất Công ty con	-	308.405.680	-	113.267.886	421.673.566
Tại ngày 31/12/2014	-	813.405.680	153.584	113.267.886	926.827.150
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	25.627.361.283	19.695.000.000	118.546.416	-	45.440.907.699

Quyền sử dụng đất của Công ty phần lớn là đất nông nghiệp tại Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ với thời hạn sử dụng là 25 năm. Theo quy định của pháp luật hiện hành về đất nông nghiệp, Công ty có quyền tiếp tục gia hạn thời hạn thuê đất nông nghiệp khi hết hạn. Ban Giám đốc dự định Công ty sẽ tiếp tục gia hạn thuê đất trong tương lai, do đó Công ty không trích khấu hao cho các tài sản này.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND
Chi phí mua đất chưa hoàn tất thủ tục chuyển sang tên	9.490.344.520
	9.490.344.520

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	30.603.405.574
- Thanh lý, nhượng bán (i)	(14.821.737.862)
Tại ngày 31/12/2014	15.781.667.712
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	806.542.762
- Trích khấu hao	414.929.187
- Thanh lý, nhượng bán	(234.739.664)
Tại ngày 31/12/2014	986.732.285
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	14.794.935.427

Ghi chú: (i) Trong năm, Công ty thực hiện thanh lý bất động sản đầu tư theo hình thức chuyển nhượng lại 600m² diện tích mặt sàn đang cho thuê tại tòa nhà MIPEC cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội MIC, chi tiết tại Thuyết minh số 10 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	
	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		28.037.695.491
Đầu tư vào Công ty liên kết		
Công ty CP TM sản xuất và DV Sao Nam	370.758	11.485.665.870
Công ty CP Today Cosmetics (tên mới của Công ty CP Minh Hào Việt Nam)	1.715.000	16.552.029.621
Đầu tư dài hạn khác (i)		18.948.490.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-
Cộng		46.986.185.491

Ghi chú: (i) Trong đó có khoản hợp tác đầu tư mua bất động sản với cá nhân. Công ty chưa thực hiện xem xét trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn cho khoản mục này do chưa có cơ sở đánh giá sự suy giảm giá trị khoản đầu tư. Khoản hợp tác đầu tư này chưa đáo hạn theo hợp đồng.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư Công ty liên kết tại ngày 31/12/2014 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập	Tỷ lệ quyền sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần TM sản xuất và DV Sao Nam	Hà Nội	21,186%	21,186%	Buôn bán hàng tiêu dùng
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Long An	49%	49%	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng...

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2014 VND
Tổng tài sản	160.820.375.808
Tổng công nợ	114.051.742.018
Tài sản thuần	46.768.633.790
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	18.833.280.571
	31/12/2014 VND
Doanh thu	123.048.749.904
Lợi nhuận thuần	(409.648.706)
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	(324.878.729)

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND
Trả trước tiền thuê đất (tại Công ty CP Nông dược TSC)	27.453.878.886
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.673.867.010
	29.127.745.896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014
	VND
Vay ngắn hạn đến hạn trả	97.827.847.552
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	51.800.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	12.358.520.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cần Thơ	28.218.334.541
Vay cá nhân	5.450.993.011
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.800.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cần Thơ	6.800.000.000
	<u>104.627.847.552</u>

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2014
	VND
Số dư khoản Phải trả người bán tại các Công ty:	
Công ty CP Nông dược TSC	11.925.436.982
Công ty TNHH XNK và Thương mại F.I.T Việt Nam	6.560.065.750
Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	1.042.450.375
Công ty CP Đầu tư F.I.T	981.589.227
Công ty CP Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	4.999.581.031
	<u>25.509.123.365</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014
	VND
Thuế giá trị gia tăng	355.384.915
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.899.727.027
Thuế thu nhập cá nhân	95.764.922
	<u>38.350.876.864</u>

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2014
	VND
Phải trả BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	459.293.443
Công ty CP TM SX và dịch vụ Sao Nam (i)	6.500.000.000
Phải trả, phải nộp khác	821.686.762
	<u>7.780.980.205</u>

Ghi chú: (i) Là khoản trả trước của Công ty Cổ phần Thương mại sản xuất và Dịch vụ Sao Nam (Sao Nam) theo Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán số 21/12/2012/HĐĐT/F.I.T ngày 21/12/2012. Theo đó, Sao Nam ủy quyền cho F.I.T tìm kiếm một công ty sản xuất hàng tiêu dùng tại Việt Nam để góp vốn đầu tư có thời hạn 05 năm. Công ty đang trong giai đoạn tìm kiếm đối tác đầu tư cho Sao Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẤU B 09-DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	157.500.000.000	-	(40.000)	200.000.000	-	35.779.693.332	193.479.653.332
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	146.031.556.621	146.031.556.621
Tăng vốn trong kỳ (i)	310.999.950.000	15.895.016.800	-	-	-	-	326.894.966.800
Giảm cổ tức phải trả 2011	-	-	-	-	-	12.469.372.500	12.469.372.500
Phát hành cổ phiếu chia cổ tức (i)	31.499.990.000	-	-	-	-	(31.499.990.000)	-
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	-	686.852.413	-	(1.373.654.826)	(686.802.413)
Tặng/(Giảm) do hợp nhất Công ty con	-	-	-	1.634.042.665	1.734.552.567	(8.005.372.370)	(4.636.777.138)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(13.894.955.590)	(13.894.955.590)
Tặng/(Giảm) khác	-	(634.300.000)	40.000	-	-	1.577.290.585	943.030.585
Số dư tại ngày 31/12/2014	499.999.940.000	15.260.716.800	-	2.520.895.078	1.734.552.567	141.083.940.252	660.600.044.697

Ghi chú:

(i) Trong năm 2014, Công ty thực hiện tăng vốn theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/2014/NQ-HĐQT/FIT ngày 18/01/2014, và theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 14/GCN-UBCK ngày 04/03/2014, Công ty đã tiến hành chào bán cổ phiếu trong năm 2014 thành 3 đợt. Số liệu tổng hợp như sau:

- Trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu là 3.149.999 cổ phiếu, tương đương 31.499.990.000 VND.
- Chào bán cho cổ đông hiện hữu là 22.075.113 cổ phiếu, tương đương 220.751.130.000 VND.
- Chào bán cho đối tác chiến lược là 7.947.500 cổ phiếu, tương đương 95.370.000.000 VND.
- Phát hành cổ phiếu bán cho cán bộ công nhân viên là 787.500 cổ phiếu, tương đương 7.875.000.000 VND.
- Số cổ phiếu không chào bán hết được chào bán cho các cổ đông khác là 289.882 cổ phiếu, tương đương 2.898.820.000 VND.

(ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 26/04/2014, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2013 vào các quỹ như sau: Quỹ đầu tư phát triển là 686.852.413 VND, Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 686.852.413 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102182140 thay đổi lần thứ 17 ngày 25/12/2014, vốn điều lệ của Công ty là 499.999.940.000 VND. Tại ngày 31/12/2014, vốn điều lệ đã được góp như sau:

Danh sách cổ đông	Vốn đăng ký góp theo		Vốn thực góp tại ngày	
	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		31/12/2014	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Phan Trung Phương	21.704.620.000	4,34%	21.704.620.000	4,34%
Nguyễn Văn Sang	26.223.750.000	5,24%	26.223.750.000	5,24%
Nguyễn Thị Minh Nguyệt	6.594.750.000	1,32%	6.594.750.000	1,32%
Trần Thanh Mai	19.420.000	0,00%	19.420.000	0,00%
Các cổ đông khác	445.457.400.000	89,09%	445.457.400.000	89,09%
Cộng	499.999.940.000	100,00%	499.999.940.000	100,00%

Tình hình phát hành cổ phiếu

	Đơn vị tính	Năm 2014
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	Cổ phiếu	49.999.994
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	Cổ phiếu	49.999.994
+ Mệnh giá cổ phiếu	VND/cổ phiếu	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	Cổ phiếu	49.999.994

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 6 bộ phận hoạt động - Bộ phận Tư vấn và Đầu tư, Bộ phận xuất nhập khẩu nông sản, Bộ phận sản xuất kinh doanh vật tư kỹ thuật nông nghiệp, Bộ phận sản xuất kinh doanh các mặt hàng nông dược, bộ phận chế biến thực phẩm và bộ phận kinh doanh các dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 06 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 06 bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận Tư vấn và Đầu tư: Tư vấn đầu tư, tư vấn mua bán doanh nghiệp, đầu tư bất động sản, chứng khoán, và đầu tư dài hạn khác.
- Bộ phận xuất nhập khẩu nông sản: Mua bán, xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản.
- Bộ phận sản xuất kinh doanh vật tư kỹ thuật nông nghiệp: Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng vật tư kỹ thuật nông nghiệp.
- Bộ phận sản xuất kinh doanh các mặt hàng nông dược: Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng nông dược.
- Bộ phận chế biến thực phẩm: Chế biến thực phẩm phục vụ xuất khẩu
- Bộ phận kinh doanh các dịch vụ khác: Cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

MẪU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31/12/2014

	Tư vấn và đầu tư VND	Xuất nhập khẩu nông sản VND	Vật tư kỹ thuật nông nghiệp VND	Nông được VND	Chế biến thực phẩm VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản								
Tài sản bộ phận	737.409.898.864	104.230.124.872	303.191.677.154	217.353.069.801	79.075.539.727	17.162.917.838	(495.425.612.203)	962.997.616.053
Tổng tài sản hợp nhất								<u>962.997.616.053</u>
Nợ phải trả								
Nợ phải trả bộ phận	112.218.448.384	52.198.086.258	39.211.740.592	50.062.526.743	38.774.789.018	-	(89.658.381.388)	202.807.209.607
Tổng nợ phải trả hợp nhất								<u>202.807.209.607</u>
Năm 2014								
	Tư vấn và đầu tư VND	Xuất nhập khẩu nông sản VND	Vật tư kỹ thuật nông nghiệp VND	Nông được VND	Chế biến thực phẩm VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu								
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	42.181.822.043	26.948.502.808	50.811.554.320	47.740.071.631	54.673.079.826	22.022.684.818	-	244.377.715.446
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	3.378.875.906	-	23.324.506.120	-	-	6.317.126.064	(33.020.508.090)	-
Tổng doanh thu	45.560.697.949	26.948.502.808	74.136.060.440	47.740.071.631	54.673.079.826	28.339.810.882	(33.020.508.090)	244.377.715.446
Kết quả hoạt động kinh doanh								
Giá vốn	19.427.170.134	25.125.661.926	64.629.167.259	34.001.693.758	47.319.341.356	5.087.502.791	(30.808.622.962)	164.781.914.262
Lãi gộp	26.133.527.815	1.822.840.882	9.506.893.181	13.738.377.873	7.353.738.470	23.252.308.091	(2.211.885.128)	79.595.801.184
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý								33.086.861.979
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								(376.178.240)
Lãi (lỗ) khác								142.989.271.709
Doanh thu tài chính								6.668.098.087
Chi phí tài chính								181.106.630.078
Lợi nhuận trước thuế								35.811.166.117
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								736.092.660
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								
Lợi nhuận trong năm								<u>146.031.556.621</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Công ty hoạt động tại Hà Nội, Cần Thơ, Long An. Hoạt động tư vấn, đầu tư và xuất nhập khẩu nông sản được đặt tại Hà Nội. Hoạt động vật tư kỹ thuật nông nghiệp, nông dược và chế biến thực phẩm ở Cần Thơ và Long An. Hoạt động nông dược ở Long An. Hoạt động khác được đặt ở Hà Nội và Cần Thơ.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	31/12/2014 VND
Hà Nội	72.509.200.757
Cần Thơ, Long An	176.549.211.897
Hà Nội và Cần Thơ	28.339.810.882
Loại trừ doanh thu nội bộ	(33.020.508.090)
	<u><u>244.377.715.446</u></u>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận 31/12/2014 VND	Tăng tài sản cố định hữu hình, vô hình 31/12/2014 VND
Hà Nội	230.129.302.885	3.932.646.416
Cần Thơ, Long An	154.151.253.175	43.659.757.864
	<u><u>384.280.556.060</u></u>	<u><u>47.592.404.280</u></u>

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	179.213.853.496
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.823.225.639
Doanh thu tư vấn giới thiệu khách hàng niêm yết	7.792.914.134
Doanh thu kinh doanh bất động sản	25.213.152.530
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	18.227.224.958
Doanh thu dịch vụ khác	5.466.080.462
Cộng	<u><u>247.736.451.219</u></u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.358.735.773
Hàng bán bị trả lại	170.630.366
Giảm giá hàng bán	3.188.105.407
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u><u>244.377.715.446</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	148.881.676.749
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	(1.460.929.718)
Giá vốn tư vấn giới thiệu khách hàng niêm yết	386.545.761
Giá vốn kinh doanh bất động sản	5.087.502.791
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	11.518.399.200
Giá vốn dịch vụ khác	368.719.479
	<u>164.781.914.262</u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.328.474.903
Chi phí nhân công	7.165.518.421
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.529.443.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.260.957.839
Chi phí dự phòng	5.154.496.124
Chi phí khác	3.559.006.817
	<u>34.997.897.207</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND
Lãi tiền cho vay, tiền gửi	17.963.056.545
Lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư tài chính	123.946.086.878
Cổ tức, lợi nhuận được chia	61.335.900
Doanh thu tài chính khác	1.018.792.386
	<u>142.989.271.709</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	2.913.138.424
Lỗ đầu tư chứng khoán ngắn hạn	3.401.500.000
Chi phí tài chính khác	353.459.663
	<u>6.668.098.087</u>

27. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

	Năm 2014 VND
Thu nhập khác	6.277.277.616
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, tài sản dài hạn khác	6.063.633.430
Thu nhập khác	213.644.186
Chi phí khác	6.653.455.856
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	5.868.436.291
Chi phí khác	785.019.565
	<u>(376.178.240)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	31/12/2014
	VND
Thuế TNDN hiện hành	35.811.166.117
<i>Trong đó</i>	
Thuế TNDN của Công ty Mẹ	30.074.190.722
Thuế TNDN của Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	5.070.057.300
Thuế TNDN của Công ty TNHH XNK và Thương mại F.I.T Việt Nam	584.136.028
Thuế TNDN của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	82.782.067
Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35.811.166.117

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014
	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	146.031.556.621
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	35.487.460
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.115
Mệnh giá cổ phiếu	10.000

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tại ngày 31/12/2014, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty là 0.

	31/12/2014
	VND
Các khoản vay	104.627.847.552
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	208.465.681.019
Nợ thuần	-
Vốn chủ sở hữu	660.600.044.697
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u> <u>31/12/2014</u> <u>VND</u>
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	208.465.681.019
Đầu tư tài chính ngắn hạn	303.257.316.078
Các khoản phải thu ngắn hạn	118.284.745.145
Đầu tư tài chính dài hạn	18.948.490.000
Cộng	<u><u>648.956.232.242</u></u>
Nợ phải trả	
Phải trả người bán và phải trả khác	33.425.235.570
Chi phí phải trả	4.469.345.547
Cộng	<u><u>142.522.428.669</u></u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, xác định điểm giới hạn chịu lỗ. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tại ngày 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	208.465.681.019	-	208.465.681.019
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác	303.257.316.078	-	303.257.316.078
Các khoản phải thu ngắn hạn	118.284.745.145	-	118.284.745.145
Đầu tư tài chính dài hạn	-	18.948.490.000	18.948.490.000
Cộng	630.007.742.242	18.948.490.000	648.956.232.242
Nợ phải trả			
Tại ngày 31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	33.290.103.570	-	33.290.103.570
Vay ngắn hạn	104.627.847.552	-	104.627.847.552
Chi phí phải trả	4.469.345.547	-	4.469.345.547
Phải trả dài hạn khác	-	135.132.000	135.132.000
Cộng	142.387.296.669	135.132.000	142.522.428.669
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	487.620.445.573	18.813.358.000	506.433.803.573

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư các bên
liên quan tại ngày
31/12/2014

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ

Cung cấp dịch vụ

	Số phát sinh	Số thanh toán	Số dư phải thu
Công ty CP TM sản xuất và dịch vụ Sao Nam			
Gốc vay	10.000.000.000	2.500.000.000	20.551.632.350
Khoản lãi các hợp đồng hợp tác đầu tư	1.369.661.219	1.330.188.988	72.715.883
Công ty CP Today Cosmetics			
Gốc vay	1.500.000.000	1.750.000.000	-
Khoản lãi các hợp đồng hợp tác đầu tư	68.979.166	71.506.904	-

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Trong giai đoạn từ ngày 24/12/2014 đến ngày 06/01/2015, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 1.712.499 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên tương đương giá trị là 17.124.990.000 VND, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty tăng lên là 517.124.930.000 VND. Ngoài sự kiện tăng vốn điều lệ này, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Do đây là kỳ đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất nên không có số liệu so sánh.



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2015

Trần Thị Mai Hương
Kế toán trưởng

Lê Thị Hậu
Người lập biểu